

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 88/2024/DS-ST.

Ngày 30/9/2024.

(V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản).

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan.

Bà Trịnh Thị Oanh.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nông Thị Lương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐ-HPT ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn:*** Bà Mai Thị Công U -Chủ Doanh nghiệp TNTM Ngọc U.

Địa chỉ: Số nhà 15, thôn 15, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

***2.Bị đơn:*** Ông Đinh Xuân V, sinh năm 1946 (Có mặt).

Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 148, thôn 17, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

***3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số nhà 15, thôn 15, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng N là ông Võ Trường G, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 27 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

1. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Trường G trình bày:

Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngọc U do bà Mai Thị Công U làm chủ doanh nghiệp, thực hiện thu mua cà phê và mua bán phân bón trên địa bàn. Ông

Nguyễn Trọng N là chồng của bà Mai Thị Công U, thường xuyên giúp bà Uẩn trong công việc kinh doanh. Trong quá trình mua bán, Bà Uẩn nhiều lần cho vợ chồng ông Đinh Xuân V và bà Đỗ Thị H mua nợ phân bón. Cụ thể những lần như sau:

- Ngày 15/01/2020, ông V bà H nợ tiền mua phân bón và ứng tiền bán cà phê nhân, số tiền là 22.017.000 đồng,

- Ngày 31/01/2020, ông V bà H nợ tiền mua phân bón: SA 03 bao, Lân 04 bao, số tiền là 1.340.000 đồng. Số tiền này ông V và bà H đã thanh toán xong.

- Ngày 01/07/2020, ông V bà H nợ tiền mua phân bón gồm: Lio Thai 06 bao. số tiền là 3.180.000 đồng.

- Ngày 03/09/2020, ông V bà H nợ tiền mua phân bón: Nhật Nam 06 bao, số tiền là 2.940.000 đồng.

- Ngày 11/02/2022, ông V bà H nợ tiền mua phân bón: Sa Nhật 02 bao, số tiền là 950.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà vợ chồng ông V, bà H nợ là 29.087.000 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Hai bên có xác lập việc nợ trên bằng Giấy nợ tiền mua phân bón có chữ ký của bà H và ông Nguyễn Trọng N đại diện cho Doanh Nghiệp Ngọc Uẩn ký tên, thời hạn trả tiền là 07 ngày kể từ ngày mua. Việc xác lập Giấy nợ tiền mua phân bón giữa bà H và ông Ngọc thì bà Uẩn biết và đồng ý với nội dung trên.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông Vệ, bà H vẫn chưa trả nợ cho bà Uẩn. Mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Vệ, bà H cứ tránh né, không có thiện chí trả nợ.

Vừa qua, bà Mai Thị Công U đã làm đơn khởi kiện vợ chồng ông Đinh Xuân V và bà Đỗ Thị H, đề nghị Tòa án nhân dân huyện K xét xử tuyên: Buộc vợ chồng ông Đinh Xuân V, bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Mai Thị Công U trả số tiền là 29.087.000 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Đồng thời, phải trả lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền nêu trên (tính từ ngày 15/01/2020 đến ngày vụ án được giải quyết xong).

Ông Nguyễn Văn Ngọc hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện và ý kiến của nguyên đơn bà Mai Thị Công U, đề nghị Tòa án nhân dân huyện K xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với việc ông Đinh Xuân V cho rằng: “Từ năm 2020 cho đến năm 2022 bà H vẫn thường xuyên giao dịch mua bán phân bón cũng như gửi cà phê tại doanh nghiệp Ngọc U, số lượng cà phê gia đình ông bà gửi tại doanh nghiệp Ngọc U nhiều hơn rất nhiều so với số nợ tiền mua phân bón, vì vậy việc cho rằng gia đình ông bà còn nợ tiền phân bón của doanh nghiệp là vô lý. Đề nghị Tòa án xem xét, đối chiếu lại sổ mua bán công nợ giữa gia đình ông bà với doanh nghiệp Ngọc U để làm rõ vấn đề này. Việc doanh nghiệp Ngọc U khởi kiện gia đình ông bà còn nợ của doanh nghiệp số tiền 29.078.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/01/2020 là không đúng. Bên cạnh đó ông V không giao dịch với doanh nghiệp Ngọc U nên trong hồ sơ khởi kiện doanh nghiệp cung cấp Hóa đơn bán hàng số PX010281 ngày 03/9/2020 (khách hàng Hạnh-Vê) có chữ ký của ông Đinh Xuân V là không đúng”.

Bà Mai Thị Công U và ông Nguyễn Trọng N có ý kiến như sau: Giữa việc mua bán phân bón và ký gửi cà phê của khách hàng, trong đó có gia đình ông V, bà H là 2 việc khác nhau. Đối với việc ký gửi cà phê giữa hai bên cũng có lập phiếu ký gửi, cụ thể là phiếu gửi ngày 09/11/2019, ký gửi từ ngày 15/11/2019 đến ngày 15/11/2020, có ghi số lượng các lần gửi, giá tiền, thanh toán, có chữ ký xác nhận của người gửi. Trường hợp ông Đinh Xuân V cho rằng số lượng cà phê gia đình ông bà gửi tại doanh nghiệp Ngọc U nhiều hơn rất nhiều so với số nợ tiền mua phân bón thì đề nghị ông bà cung cấp phiếu gửi để so sánh, làm rõ mâu thuẫn giữa 2 bên.

Đối với việc ông Đinh Xuân V cho rằng ông không tham gia giao dịch với doanh nghiệp nên chữ ký của ông trong hóa đơn bán hàng là không đúng thì doanh nghiệp cũng đã đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của ông V, bà H, Phòng kỹ thuật giám định Công an tỉnh Đắk Lắk đã có kết luận về vấn đề này nên ý kiến của ông V là không có căn cứ. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hoàn toàn nhất trí với Kết luận giám định số 929/KL-KTHS ngày 09/7/2024 của Phòng kỹ thuật giám định Công an tỉnh Đắk Lắk.

2. Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Xuân V trình bày:

Giữa gia đình tôi (cụ thể là vợ tôi bà Đỗ Thị H) có quan hệ mua bán phân bón, gửi cà phê với Doanh nghiệp tư nhân Ngọc U của bà Mai Thị Công U từ hơn 10 năm nay. Trong quá trình giao dịch mua bán thì bà H trực tiếp làm việc với vợ chồng ông Ngọc, bà Uẩn. Bà Đỗ Thị H thường xuyên mua tạm ứng phân bón các loại của ông Ngọc, bà Uẩn, tới mùa cà phê sau khi thu hoạch, gia đình tôi chở cà phê tươi đến doanh nghiệp Ngọc U xay xát, phơi khô thành cà phê nhân xô. Sau đó giữa 2 bên đối chiếu tiền mua bán phân bón, sau khi trừ nợ tiền mua phân bón thì số tiền cà phê còn lại doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán lại cho gia đình tôi. Từ gần 10 năm nay việc giao dịch mua bán, gửi cà phê, tính toán nợ giữa gia đình tôi và doanh nghiệp Ngọc U chủ yếu là bà H trực tiếp thực hiện, bản thân tôi công tác tại Công ty TNHH MTV cà phê Thắng Lợi và nghỉ hưu từ năm 2015 cho đến nay nên việc giao dịch với doanh nghiệp Ngọc U tôi không tham gia.

Theo như tôi được biết từ năm 2020 cho đến năm 2022 bà H vẫn thường xuyên giao dịch mua bán phân bón cũng như gửi cà phê tại doanh nghiệp Ngọc U, số lượng cà phê gia đình tôi gửi tại doanh nghiệp Ngọc U nhiều hơn rất nhiều so với số nợ tiền mua phân bón, vì vậy việc cho rằng gia đình tôi còn nợ tiền phân bón của doanh nghiệp là vô lý. Đề nghị Tòa án xem xét, đối chiếu lại sổ mua bán công nợ giữa gia đình tôi với doanh nghiệp Ngọc U để làm rõ vấn đề này. Việc doanh nghiệp Ngọc U khởi kiện gia đình tôi còn nợ của doanh nghiệp số tiền 29.078.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/01/2020 là không đúng, tôi không đồng ý.

Bên cạnh đó tôi không giao dịch với doanh nghiệp Ngọc U nên trong hồ sơ khởi kiện doanh nghiệp cung cấp Hóa đơn bán hàng số PX010281 ngày 03/9/2020 (khách hàng Hạnh-Vê) có chữ ký của tôi (Đinh Xuân V) là không đúng.

Từ trước đến nay tôi không có quan hệ gửi cà phê hoặc mua bán phân bón với Doanh nghiệp TNTM Ngọc U mà chỉ có vợ tôi là bà Đỗ Thị H là người trực tiếp tham gia và ký các loại hóa đơn mua bán, xác nhận nợ, vì vậy đối với yêu cầu khởi kiện của

Doanh nghiệp thì tôi không đồng ý. Hiện nay vợ tôi là bà Đỗ Thị H bị tai nạn giao thông nên không đến tham gia làm việc với Tòa án được.

3. Bị đơn bà Đỗ Thị H vắng mặt.

3. Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng N:

Đồng ý với lời khai của người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn, không có ý kiến bổ sung. Đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Đinh Xuân V, bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Mai Thị Công U trả số tiền là 29.087.000 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Đồng thời, phải trả lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền nêu trên (tính từ ngày 15/01/2020 đến ngày vụ án được giải quyết xong).

Tại phiên tòa, người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn ông Đinh Xuân V và bà Đỗ Thị H phải trả số tiền mau hàng còn nợ là 29.087.000 đồng. Xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Bị đơn ông Đinh Xuân V xác định gia đình ông bà không còn nợ số tiền mua bán phân bón như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, số tiền 950.000 đồng theo hóa đơn mà nguyên đơn khởi kiện gia đình ông đã trả, đối với các hóa đơn khác do ông không được cầm hóa đơn nên ông không biết số nợ này. Bên cạnh đó Doanh nghiệp Ngọc U còn nợ cả phê của gia đình ông đang gửi chưa thanh toán hết, vì vậy ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm:**

-Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX, thư ký và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

-Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166; Điều 280; Điều 289, Điều 357; Điều 430, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Công U - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Ngọc U.

-Buộc ông Đinh Xuân V và bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Mai Thị Công U - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Ngọc U số tiền 29.087.000 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi suất đối với số tiền 29.087.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền mua bán tài sản còn nợ theo xác nhận nợ giữa DNTN Ngọc U với bà Đỗ Thị H, ông Đinh Xuân V, do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Đỗ Thị H, ông Đinh Xuân V có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn bà Đỗ Thị H mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các bị đơn bà Đỗ Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

3.1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng ông Đinh Xuân V, bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Mai Thị Công U số tiền là 29.087.000 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng), đây là số tiền nợ mua bán cà phê, phân bón giữa bà Mai Thị Công U chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngọc U và vợ chồng ông Đinh Xuân V và bà Đỗ Thị H.

Cùng với yêu cầu khởi kiện bà Uẩn, ông Ngọc cung cấp cho Tòa án các giấy xác nhận nợ, hóa đơn mua hàng, cụ thể:

Giấy nợ tiền mua phân bón ghi ngày 15/01/2020 có nội dung: ông V bà H nợ tiền mua phân bón và ứng tiền bán cà phê nhân, nợ tiền là 22.017.000 đồng; Nợ tiền mua phân bón gồm Lio Thai 06 bao, số tiền là 3.180.000 đồng ngày 01/07/2020; nợ tiền mua phân bón: Nhật Nam 06 bao, số tiền là 2.940.000 đồng ngày 03/09/2020; Nợ tiền mua phân bón Sa Nhật 02 bao là 950.000 đồng ngày 11/02/2022.

Ngoài ra bà Uẩn, ông Ngọc còn cung cấp 03 hóa đơn bán hàng còn nợ tiền mua phân bón gồm Lio Thai 06 bao, số tiền là 3.180.000 đồng ngày 01/07/2020; Nợ tiền mua phân bón: Nhật Nam 06 bao, số tiền là 2.940.000 đồng ngày 03/09/2020; Nợ tiền mua phân bón Sa Nhật 02 bao là 950.000 đồng ngày 11/02/2022.

Quá trình giải quyết vụ án ông V, bà H không đến tham gia tố tụng, vì vậy Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết. Tại Kết luận giám định số 929/KL-KTHS ngày 09/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk có nội dung như sau:

Chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 và chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một người ký và viết ra.

Chữ viết, chữ ký mang tên Đinh Xuân V trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 và chữ ký chữ viết mang tên Đinh Xuân V trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4, M5 cùng một người ký và viết ra.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định việc ông V, bà H có mua bán phân bón, cà

phê với bà Uẩn, ông Ngọc và xác nhận còn nợ tiền là đúng. Phân bón ông V, bà H đã nhận xong, nhưng không thanh toán tiền đầy đủ cho bên bán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, vợ chồng ông V, bà H phải liên đới trả số tiền nợ mua phân bón cho nguyên đơn bà Mai Thị Công U theo quy định tại các Điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Cần buộc ông Đinh Xuân V, bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Mai Thị Công U -Chủ DNTNTM Ngọc U số tiền còn nợ là 29.087.000 đồng.

Đối với việc ông Đinh Xuân V cho rằng: Ông không giao dịch với doanh nghiệp Ngọc U nên trong hồ sơ khởi kiện doanh nghiệp cung cấp Hóa đơn bán hàng số PX010281 ngày 03/9/2020 (khách hàng Hạnh-Vê) có chữ ký của ông (Đinh Xuân V) là không đúng. Tuy nhiên ông không đề nghị giám định lại chữ ký chữ viết, trong biên bản làm việc ông không ký, không viết mà đề nghị lăn tay để xác nhận biên bản, vì vậy không có cơ sở để xem xét cho ý kiến này.

Tại phiên tòa ông Đinh Xuân V cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 bản photo hóa đơn bán hàng ghi số PX015687 ngày 11/02/2022 và cho rằng gia đình ông đã thanh toán số tiền 950.000 đồng nhưng Doanh nghiệp TNTM Ngọc U vẫn đưa vào khởi kiện buộc gia đình ông phải trả là có sự gian dối. Qua đối chiếu các chứng cứ mà các đương sự giao nộp thì thấy rằng:

Hóa đơn bán hàng ghi số PX015687 ngày 11/02/2022 có nội dung “Tên hàng hóa là:1. LÂN VĂN ĐIỀN, số lượng 2, đơn giá 230.000 đồng, thành tiền 460.000 đồng; 2.SA NHẬT UP KIM CUƠNG 21-0-0, số lượng 2, đơn giá 475.000 đồng, thành tiền 950.000 đồng; Tổng thanh toán 1.410.000 đồng”, trên hóa đơn có ghi chữ viết tay “R”.

Hóa đơn bán hàng ghi số PX015688 ngày 11/02/2022 có nội dung: “Tên hàng hóa là:1.SA NHẬT UP KIM CUƠNG 21-0-0, số lượng 2, đơn giá 475.000 đồng, thành tiền 950.000 đồng”.

Người đại diện của nguyên đơn xác định, hóa đơn bán hàng ghi số PX015687 ngày 11/02/2022, số tiền phải thanh toán là 1.410.000 đồng thì ông V, bà H đã thanh toán xong, vì vậy Doanh nghiệp TNTM Ngọc U đã đánh dấu chữ “R” và đưa lại hóa đơn mua hàng cho khách hàng, không liên quan đến khoản tiền nợ mua hàng chưa thanh toán của hóa đơn bán hàng số PX015688 ngày 11/02/2022 với số tiền 950.000 đồng mà nguyên đơn đang khởi kiện.

Qua xem xét 02 hóa đơn bán hàng trên có 02 số khác nhau và số tiền phải thanh toán là khác nhau nên không có cơ sở xem xét lời khai nại của bị đơn ông Đinh Xuân Vê.

3.2. Đối với việc yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 29.087.000 đồng từ ngày 15/01/2020:

Giấy nợ tiền mua phân bón ghi ngày 15/01/2020 có nội dung: ông V bà H nợ tiền mua phân bón và ứng tiền bản cà phê nhân, nợ tiền là 22.017.000 đồng; Nợ tiền mua phân bón gồm Lio Thai 06 bao. số tiền là 3.180.000 đồng ngày 01/07/2020; nợ tiền mua phân bón: Nhật Nam 06 bao, số tiền là 2.940.000 đồng ngày 03/09/2020; Nợ tiền mau phân bón Sa Nhật 02 bao là 950.000 đồng ngày 11/02/2022.

Trong giấy xác nhận nợ các bên thỏa thuận nếu quá 7 ngày mà người mua hàng nếu không trả phải chịu lãi 2 %/tháng. Như vậy thỏa thuận này là vượt quá quy định tại

khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Bên cạnh đó việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 15/01/2020 trên tổng số nợ 29.087.000 đồng là không hợp lý.

Tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về tính lãi suất, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, đúng quy định của pháp luật vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Đinh Xuân Vê và bà Đỗ Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm do ông bà là người cao tuổi theo quy định của Điều 2 Luật người cao tuổi.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Đinh Xuân V và bà Đỗ Thị H phải chịu chi phí giám định chữ ký là 6.500.000 đồng, số tiền này bà Mai Thị Công U đã nộp tạm ứng, vì vậy ông V, bà H phải hoàn trả lại cho bà Mai Thị Công U số tiền 6.500.000 đồng.

[6]. Xét thấy ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 162, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166; Điều 280; Điều 289, Điều 357; Điều 430, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Công U - Chủ DNTN Ngọc U.

1. Buộc ông Đinh Xuân V và bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Mai Thị Công U - Chủ DNTN Ngọc U số tiền 29.087.000 đồng (*Hai mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nêu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi đối với số tiền 29.087.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đinh Xuân V và bà Đỗ Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Mai Thị Công U được nhận lại số tiền 727.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0003412 ngày 18/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Đinh Xuân V và bà Đỗ Thị H phải chịu 6.500.000 đồng chi phí giám định chữ ký. Số tiền này bà Mai Thị Công U đã nộp tạm ứng, vì vậy ông V, bà H phải hoàn trả lại cho bà Mai Thị Công U số tiền 6.500.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H.K;
- Chi cục THADS H.K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**H' Năm Bkrông**



**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lan Trịnh Thị Oanh**

**H'Năm Bkrông**

